TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/DS-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 364/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 552/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V
Trụ sở: TQK, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.
Chi nhánh: PNT, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông ĐDK, là Người đại diện theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 866/UQ-VCB-PC ngày 28/12/2023 và Giấy ủy quyền số 890/TB-TĐN ngày 15/5/2024).

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà NTAP, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Địa chỉ: MĐC, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2024, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 07/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên

đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông ĐDK là Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/11/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là V) ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V và đã phát hành 01 thẻ tín dụng quốc tế JCB cho bà NTAP với hạn mức sử dụng là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng.

Từ ngày 13/11/2018 đến kỳ sao kê ngày 15/7/2023, bà P đã sử dụng và thanh toán đều đặn dư nợ sao kê thẻ.

Ngày 15/8/2023, khoản nợ đã chuyển thành nợ quá hạn. V đã dùng rất nhiều biện pháp đã gửi thư nhắc nợ, liên hệ qua số điện thoại, email tuy nhiên bà P vẫn thường xuyên chậm thanh toán.

Từ kỳ sao kê ngày 15/8/2023 đến ngày 15/11/2023, bà P vẫn thanh toán một phần dư nợ thẻ. Tuy nhiên, bà P không thanh toán đủ dư nợ sao kê đã phát sinh thêm lãi và phí.

Đến kỳ sao kê ngày 15/12/2023, do gặp khó khăn về tình hình tài chính vì cùng lúc các khoản nợ tại các tổ chức tín dụng khác (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên SH) đều nhảy nhóm nợ xấu cần xử lý, bà P đã ngưng thanh toán dư nợ cho V.

Vào ngày 15 hàng tháng, V sẽ gửi sao kê hàng tháng cho khách hàng theo địa chỉ đã cung cấp khi mở thẻ và khách hàng phải thanh toán cho V chậm nhất vào ngày 30 của tháng. Từ lúc phát hành thẻ đến nay thì bà P có thanh toán cho V. Tuy nhiên, bà P thường xuyên chậm thanh toán và V rất khó trong việc liên lạc với khách hàng nên việc nhắc nợ khách hàng gặp rất nhiều khó khăn. Ngày 15/8/2023, khoản nợ đã chuyển thành nợ quá hạn. V đã dùng rất nhiều biện pháp đã gửi thư nhắc nợ, liên hệ qua số điện thoại, email tuy nhiên bà P vẫn thường xuyên chậm thanh toán, đã vi phạm các điều kiện và điều khoản cam kết tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V.

Thẻ tín dụng trên được cho bà P sử dụng để chi tiêu, đã thanh toán một phần và sau đó không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho V. Tổng số tiền đã nợ trong việc sử dụng trên tính đến hết ngày 15/7/2024 là 20.996.397 *(Hai mươi triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi bảy)* đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc 16.342.445 đồng;

- Tiền nợ lãi trong hạn chưa trả: 2.407.111 đồng;

- Tiền lãi/phí quá hạn: 2.246.841 đồng.

Cách tính lãi, phí như sau:

- Số tiền lãi: Số tiền gốc x số ngày x 18%/năm.

- Số tiền lãi quá hạn, bao gồm:

+ Số tiền lãi chậm thanh toán: 3% x số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ trước chưa thanh toán, số tiền lãi chậm thanh toán tối thiểu hàng tháng là 100.000 đồng.

+ Số tiền lãi vượt hạn mức:

o Từ ngày 1 – 5 ngày: Số tiền vượt hạn mức x số ngày x 8%/năm

o Từ ngày 6 – 15 ngày: Số tiền vượt hạn mức x số ngày x 10%/năm

o Từ ngày 16: Số tiền vượt hạn mức x số ngày x 15%/năm

V đã nhiều lần gửi công văn, liên hệ bằng điện thoại nhưng bà P né tránh, không gặp mặt và không có thiện chí thanh toán. Việc chậm trễ thanh toán là bà P đã vi phạm các điều kiện và điều khoản cam kết tại Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng.

Do đó, V yêu cầu Tòa buộc bà NTAP phải thanh toán toàn bộ dư nợ cho V tính đến ngày 25/7/2024 với tổng số tiền là 20.996.397 *(Hai mươi triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi bảy)* đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 16.342.445 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.407.111 đồng, tiền lãi/phí quá hạn là 2.246.841 đồng. Việc trả tiền phải được thực hiện một lần khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà NTAP phải tiếp tục trả lãi, phí kể từ ngày 26/7/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 12/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền cho V. Vì đây là khoản tiền tiêu dùng cá nhân nên V chỉ yêu cầu cá nhân bà P là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông ĐDK là Người đại diện theo ủy quyền:* Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn bà NTAP:* Vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:* Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn bà NTAP không thực hiện đúng thỏa thuận tại giấy "Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V" và "Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V" đã được V phê duyệt ngày 12/11/2018. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện bị đơn bà NTAP là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện bị đơn bà NTAP phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V JCB theo giấy "Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V" và "Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V" được V phê duyệt ngày 12/11/2018, nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Tòa án buộc bà NTAP phải trả cho V số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V ngày 12/11/2018 và do tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh TĐ có địa chỉ hoạt động tại Quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.3.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 23/9/2024, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông ĐDK là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa buộc bà NTAP phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V toàn bộ số tiền nợ tính đến thời điểm xét xử (tạm tính đến ngày 23/9/2024) là 22.528.146 (*Hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi sáu*) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 16.342.445 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 2.906.783 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.278.918 đồng. Việc trả tiền phải thực hiện một lần khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà NTAP còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 24/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 12/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho V. Vì đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên V chỉ yêu cầu cá nhân bà NTAP là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[1.3.2]. Bị đơn bà NTAP đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của Nguyên đơn:

Căn cứ giấy "Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V" và "Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V" được V phê duyệt ngày 12/11/2018 thì giữa chủ thẻ chính là bà NTAP và bên phát hành thẻ là V có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V JCB với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 18%/năm.

Theo Bảng sao kê thanh toán thẻ hàng tháng của bà NTAP do V cung cấp thì sau khi được cấp thẻ tín dụng ngày 12/11/2018 thì bà P đã kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng từ đó cho đến ngày 02/10/2023 và có thanh toán đều cho V đến 02/11/2023 thì ngưng thanh toán. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ kỳ sao kê ngày 15/8/2023 nên V đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn kể từ đó, ngày 29/8/2023 V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và khóa thẻ của bà P (điểm y khoản 3.1 Điều 3 và khoản 6.3, 6.4 Điều 6 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến kỳ sao kê ngày 15/9/2024, bà P đã nợ V tổng số tiền 22.528.146 (*Hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi sáu*) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 16.342.445 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 2.906.783 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.278.918 đồng.

Thứ tự ưu tiên thanh toán nợ áp dụng theo khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V: "*Thứ tự ưu tiên thanh toán ... phí thường niên, phí phạt (phí vượt hạn mức, phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu), lãi của giao dịch rút tiền mặt, lãi của các giao dịch chi tiêu, phí rút tiền mặt, phí dịch vụ, các giao dịch rút tiền mặt, các giao dịch chi tiêu và theo thứ tự ngày các giao dịch này được cập nhật vào hệ thống của Ngân hàng...*"

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...*"

Theo quy định tại "Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V" kèm theo giấy "Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V":

- Tại điểm n, p, q khoản 2 Điều 2 quy định về nghĩa vụ của Chủ thẻ như sau:

"n. Hàng tháng, Ngân hàng gửi sao kê cho Chủ thẻ theo địa chỉ bưu điện và/hoặc địa chỉ hòm thư điện tử mà Chủ thẻ đã đăng ký với Ngân hàng. Trong trường hợp Chủ thẻ không nhận được sao kê hoặc chậm nhận được sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch thẻ, lãi và phí phát sinh trong kỳ...

p. Chịu trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch thẻ, phí và lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ.

q. Trường hợp Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Ngân hàng quy định, bằng hợp đồng này, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được tự động ghi nợ, trích tiền từ tài khoản thanh toán đã đăng ký của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng để thanh toán số dư sao kê theo đăng ký trích nợ tự động của Chủ thẻ. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, hàng tháng, Chủ thẻ phải đảm bảo tài

khoản đăng ký này luôn đủ số dư cần thiết để Ngân hàng ghi nợ trong khoảng thời gian từ ngày sao kê đến ngày đề nghị thanh toán. Ngân hàng được quyền trích nợ tự động toàn bộ số dư sao kê hoặc số dư sao kê theo đăng ký của Chủ thẻ với Ngân hàng từ tài khoản đăng ký vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt khoảng thời gian nói trên. Nếu trong khoảng thời gian nói trên số dư trong tài khoản đăng ký không đủ để Ngân hàng trích nợ số dư sao kê theo đăng ký của Chủ thẻ với Ngân hàng, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng phần số dư sao kê còn thiếu và phải chịu các khoản phí, lãi phát sinh."

- Tại điểm b, d, f, g, n, y khoản 1 Điều 3 quy định quyền của Ngân hàng như sau:

"b. Được quyền thu hồi thẻ vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo việc thu hồi này cho Chủ thẻ hoặc thông qua các TCTTT hoặc ĐVCNT trong các trường hợp quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này…

d. Được quyền yêu cầu Chủ thẻ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các giao dịch thẻ và các khoản lãi, phí liên quan (nếu có).

f. Được quyền chuyển dư nợ thẻ của Chủ thẻ thành nợ quá hạn và thực hiện phân loại nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu vào ngày đến hạn.

g. Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng theo quy định, bằng Hợp đồng này, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền:

+ Thu nợ từ nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác của Chủ thẻ, và/hoặc tài sản bảo đảm của Chủ thẻ, và/hoặc từ bên bảo lãnh, và/hoặc bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ.

+ Nếu Ngân hàng thu nợ từ tài khoản tiền gửi hoặc sổ tiết kiệm của Chủ thẻ để thanh toán các khoản nợ phát sinh thì tài khoản hoặc sổ tiết kiệm đó được coi là không kỳ hạn. Ngân hàng được quyền miễn trách đối với việc thay đổi kỳ hạn tiền gửi của Chủ thẻ.

+ Ngân hàng được quyền lập Ủy nhiệm thu yêu cầu các ngân hàng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền để thu hồi nợ gốc, lãi trong trường hợp các khoản nợ gốc, nợ lãi của Chủ thẻ bị chuyển sang nợ quá hạn, nợ lãi quá hạn.

+ Ngân hàng được quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ đồng thời với việc chấm dứt Hợp đồng này và/hoặc thực hiện các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ (gốc, nợ lãi, phí và chi phí phát sinh liên quan) của Chủ thẻ.

n. Được quyền quy định thời hạn hiệu lực của thẻ trong từng thời kỳ (tối đa là 03 năm hoặc theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Chủ thẻ)…

y. Được quyền đơn P chấm dứt việc sử dụng thẻ đồng thời với việc chấm dứt Hợp đồng này trong các trường hợp sau:

+ Chủ thẻ vi phạm các quy định về việc phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng, hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước, TCTQT trong việc sử dụng thẻ;…"

- Tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 quy định đổi, phát hành lại và chấm dứt sử dụng thẻ như sau:

"3. Khi chấm dứt việc sử dụng thẻ theo yêu cầu của Ngân hàng hay theo yêu cầu của Chủ thẻ hoặc hết thời hạn sử dụng thẻ; hoặc có sự thay đổi của Chủ thẻ liên quan đến điều kiện phát hành thẻ nhưng Chủ thẻ không làm thủ tục để tiếp tục sử dụng thẻ thì toàn bộ số dư còn lại trên tài khoản thẻ sẽ đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi giao dịch thẻ, phí và lãi phát sinh tới thời điểm đó…

4. Ngân hàng được quyền thu hồi hoặc khóa thẻ của Chủ thẻ trong những trường hợp sau:

+ Sau ngày đến hạn, Chủ thẻ không trả hoặc không trả đủ số tiền thanh toán tối thiểu;…

+ Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, phí và các phí khác phát sinh) với Ngân hàng và/hoặc với bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác;…"

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 (nay là Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phí dịch vụ thẻ thì đều quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi…

V đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ cho bà P thông qua Thông báo nhắc nợ ngày 16/10/2023, ngày 17/11/2023, ngày 17/12/2023 bằng nhiều P thức như gửi tin nhắn qua điện thoại của bà P, gửi thông báo trên app của V đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà bà P đã cung cấp tại giấy "Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V" và "Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V" trước khi V thực hiện việc khởi kiện bà P tại Tòa.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của V yêu cầu Tòa buộc bà NTAP phải trả cho V số tiền là 22.528.146 (*Hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi sáu*) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó tiền nợ gốc là 16.342.445 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 2.906.783 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.278.918 đồng, là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

Ngoài ra, bà NTAP còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 24/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 12/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho V. Vì là khoản

vay tiêu dùng cá nhân nên ghi nhận việc V chỉ yêu cầu cá nhân bà NTAP là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V là có cơ sở.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/20219/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

Buộc bà NTAP phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 22.528.146 (*Hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi sáu*) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó tiền nợ gốc là 16.342.445 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 2.906.783 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.278.918 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2024, bà NTAP còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo giấy "Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V" và "Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V" được V phê duyệt ngày 12/11/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà NTAP phải chịu 1.126.407 *(Một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm linh bảy)* đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 486.253 *(Bốn trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi ba)* đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009091 ngày 08/3/2024 và số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0021303 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phượng